

Điểm	Nhận xét của giáo viên

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (5 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất

Câu 1. Các biển báo trong Hình 2.1 có ý nghĩa gì?



Hình 2.1

A. Cấm thực hiện..

B. Bắt buộc thực hiện.

C. Cảnh báo nguy hiểm .

D. Không bắt buộc thực hiện.

Câu 2. Những mẫu vật nào sau đây có thể quan sát bằng kính hiển vi quang học?

A. Côn trùng (như ruồi, kiến, ong).

B. Giun, sán.

C. Các tép cam, tép bưởi.

D. Tế bào thực vật và tế bào động vật.

Câu 3. Hành động nào sau đây **không** thực hiện đúng quy tắc an toàn trong phòng thực hành?

A. Làm thí nghiệm theo hướng dẫn của giáo viên.

B. Đùa nghịch trong khi tiến hành thí nghiệm.

C. Đeo găng tay khi làm thí nghiệm với hóa chất.

D. Rửa sạch tay sau khi làm thí nghiệm.

Câu 4. Trong các nhóm sau nhóm nào đều là vật không sống?

A. Con gà, con chó, cây nhãn.

B. Cái bàn, cây bút, hòn đá.

C. Con gà, cây nhãn, miếng thịt.
con vịt, con chó.

D. Chiếc bút,

Câu 5. Biển báo ở hình bên cho chúng ta biết điều gì?

A. Chất dễ cháy.

B. Chất gây nổ.

C. Chất ăn mòn.

D. Phải đeo găng tay thường xuyên.



Câu 6: Hệ thống điều chỉnh của kính hiển vi bao gồm các bộ phận:

A. ốc to và ốc nhỏ.

B. thân kính và chân kính.

C. vật kính và thị kính.

D. đèn chiếu sáng và đĩa quay gắn các vật kính.

Câu 7. Dụng cụ nào dùng để đo độ dài?

A. Thước.

B. Bình chia độ .

C. Ca đong.

D.

Nhiệt kế.

Câu 8. Để đo nhiệt độ cơ thể người ta dùng dụng cụ:

A. nhiệt kế rượu.
ngân.

B. nhiệt kế thủy

C. nhiệt kế y tế.

D. nhiệt kế kim loại.

Câu 9. Sự chuyển thể nào sau đây xảy ra tại nhiệt độ xác định?

A. Ngưng tụ.

B. Hoá hơi.

C. Sôi.

D.

Bay hơi.

Câu 10. Tế bào là đơn vị cơ bản của sự sống vì

A. tế bào rất nhỏ bé .

B. tế bào có mặt ở khắp mọi nơi.

C. tế bào có khả năng sinh sản.

D. tế bào có thể thực hiện đầy đủ các quá trình sống cơ bản.

Câu 11. Giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của thước trong hình 1-2.1 là:



Hình 1-2.1

A. 1m và 1mm

B. 100cm và 0,5cm

C. 100cm và 1cm

D. 100cm và 0,2cm

Câu 12. Tại sao mỗi loại tế bào có hình dạng và kích thước khác nhau?

A. Để phù hợp với chức năng của chúng.

B. Để chúng không bị chết.

C. Để các tế bào có thể bám vào nhau dễ dàng.

D. Để tạo nên sự đa dạng của các loài sinh vật.

Câu 13: Hiện tượng nào sau đây **không** phải là sự ngưng tụ?

A. Sương đọng trên lá cây.

B. Sự tạo thành sương mù.

C. Sự tạo thành hơi nước.

D. Sự tạo thành mây.

Câu 14. Đâu không phải thành phần cơ bản cấu tạo nên một tế bào?

A. Thành tế bào.

B. Màng tế bào.

C. Tế bào chất.

D.

Nhân/vùng nhân.

Câu 15. Vật nào sau đây có cấu tạo từ tế bào?

A. Xe ô tô.

B. Cây cầu.

C. Cây bạch đàn.

D.

Ngôi nhà.

Câu 16. Độ dài của cây bút chì là:



A. 7cm

B. 7,5cm

C. 7.2cm

D. 8cm .

Câu 17. Quá trình phân chia từ một tế bào tạo thành 2 tế bào con được gọi là:

A. sự lớn lên của tế bào.
của tế bào.

B. sự sinh trưởng

C. sự sinh sản của tế bào.
tế bào.

D. sự nhân lên của

Câu 18. Khi nào tế bào phân chia?

- A. Khi cơ thể cần sinh trưởng và lớn lên.
- B. Khi nhận tín hiệu từ trung ương thần kinh
- C. Khi các tế bào lớn lên đến một kích thước nhất định
- D. Khi tế bào già.

Câu 19. Vật nào sau đây là vật thể nhân tạo?

- A. Cây mía B. Con gà C. Con heo đất D. Con giun đất.

Câu 20. Sự lớn lên và sinh sản của tế bào có ý nghĩa gì?

- A. Tăng kích thước của cơ thể sinh vật.
- B. Khiến cho sinh vật già đi.
- C. Tăng kích thước của sinh vật, thay thế các tế bào già, chết và các tế bào bị tổn thương.
- D. Ngăn chặn sự xâm nhập của các yếu tố từ bên ngoài vào cơ thể.

II. PHẦN TỰ LUẬN: (5 điểm)

Câu 21. (1 điểm) Trình bày các thao tác khi tiến hành quan sát một mẫu vật bằng kính hiển vi quang học?

Câu 22. (2 điểm) Đổi các đơn vị sau:

- a. $20^{\circ}\text{C} = ?^{\circ}\text{F}$ b. $122^{\circ}\text{F} = ?^{\circ}\text{C}$ c. $0,5\text{m}^3 = ? \text{ lít}$

Câu 23. (1điểm) Em hãy nêu các thành phần chính của tế bào và chức năng của chúng?

Câu 24. (1điểm) Có 2 tế bào trưởng thành trải qua 4 lần phân chia tạo ra bao nhiêu tế bào con?

ĐÁP ÁN – BIỂU ĐIỂM

I. TRẮC NGHIỆM:(5điểm)

Mỗi câu đúng được 0.25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	A	D	B	A	C	A	A	C	C	D
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	B	A	C	A	C	C	C	C	C	C

II. PHẦN TỰ LUẬN: (5 điểm)

Câu	Đáp án	Biểu điểm
Câu 21. (1 điểm)	Cách bảo quản kính hiển vi: - Chọn vật kính thích hợp theo mục đích quan sát. - Bật công tắc đèn và điều chỉnh độ sáng của đèn cho phù hợp. - Đặt tiêu bản lên bàn kính, dùng kẹp để giữ tiêu bản. Vặn ốc to theo chiều kim đồng hồ để hạ vật kính gần sát vào tiêu. Chú ý không để mặt của vật kính chạm vào tiêu bản. - Đặt mắt vào thị kính, vặn ốc to theo chiều ngược lại để đưa vật kính lên từ từ đến khi nhìn thấy mẫu vật. Vặn ốc nhỏ thật chậm đến khi thấy mẫu vật thật rõ nét.	0,25đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ

Câu 22. (2 điểm)	a. $20^{\circ}\text{C} = 0^{\circ}\text{C} + 20^{\circ}\text{C} = 32^{\circ}\text{F} + (20 \times 1,8^{\circ}\text{F}) = 68^{\circ}\text{F}$ b. $122^{\circ}\text{F} = (122^{\circ}\text{F} - 32^{\circ}\text{F}) : 1,8^{\circ}\text{F} = 50^{\circ}\text{C}$ c. $0,5\text{m}^3 = 500\text{lít}$	0,75đ 0,75đ 0,5đ
Câu 23. (1 điểm)	Thành phần chính của tế bào gồm: màng tế bào; tế bào chất và nhân (vùng nhân) Chức năng của chúng: - Màng tế bào : bao bọc tế bào chất và tham gia vào quá trình trao đổi chất giữa tế bào với môi trường. - Tế bào chất: Là nơi thực hiện các hoạt động trao đổi chất của tế bào. - Nhân hoặc vùng nhân: là nơi chứa vật chất di truyền; là trung tâm điều khiển các hoạt động sống của tế bào.	0,25đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ
Câu 24. (1 điểm)	Số tế bào con được tạo ra là: $2 \times 2^4 = 2 \times 16 = 32$ (tế bào con)	1 đ